

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HS-ST

Ngày: 08 -3 -2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Tấn Thanh

Bà Lê Thị Kim Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

- **Tạ Văn L**, sinh năm 1996 tại tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: ấp Mỹ Thuận, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: ấp 3, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Văn H và bà Lê Thị H; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 21/9/2021 và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện N. Bị cáo có mặt.

- **Đặng Hữu Phần L1**, sinh năm 1994. Nơi cư trú: ấp Nguyễn Quy, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: ấp 3, xã Long Thọ, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn L và bà Lê Bé N; Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Hồ Thị N và

có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/01/2011, bị cáo bị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng trong thời gian 24 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng, bị cáo chấp hành xong vào ngày 01/11/2012.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/9/2021 và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện N. Bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tạ Văn L và Đặng Hữu Phần L1 là đối tượng nghiện ma túy. Vào lúc 16 giờ 20 phút ngày 21/9/2021, Tạ Văn L điều khiển xe mô tô (không gắn biển số) mượn của 01 người bạn tên Thái đi đến phòng trọ của Đặng Hữu Phần L1 tại ấp 3, xã L, huyện N. Sau đó, do muốn sử dụng ma túy nên L rủ L1 mua ma túy về sử dụng. Bị cáo L1 sử dụng số điện thoại 0975.985.976 gọi điện thoại đến số 0968.382.750 gặp 01 người đàn ông tên Nghĩa (chưa rõ nhân thân) hỏi mua 01 gói ma túy với giá 900.000đ, Nghĩa đồng ý và hẹn L1 đến khu vực cầu Bến Lớn thuộc ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện N để lấy ma túy. L1 điều khiển xe mô tô biển số 60C2-398.89 chở L đến khu vực cầu Bến Lớn gặp Nghĩa để lấy ma túy. Khi đến nơi, L đưa cho Nghĩa 900.000đ lấy 01 gói ma túy. Sau khi mua ma túy, L cất giấu gói ma túy vào trong nếp gấp ống quần jean bên trái và lên xe mô tô để L1 chở về. Khi L và L1 đi đến chốt kiểm soát phòng chống dịch tại ấp 5, xã Long Thọ thì bị Công an xã Long Thọ kiểm tra phát hiện bắt quả tang và chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N để xử lý theo thẩm quyền.

Tang vật thu giữ gồm: 01 gói nylon hàn kín, bên trong chứa tinh thể màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Huawei, bị vỡ màn hình có gắn sim số 0975.985.976 của Đặng Hữu Phần L1 và 01 xe mô tô biển số 60C2-398.89.

Tại bản kết luận giám định số 1863/KLGD-PC09 ngày 26/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối L: 0,3276 gam, loại Methamphetamine. Mẫu vật còn lại sau giám định có khối L: 0,2874 gam.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 12/CT.VKS-NT ngày 05/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Tạ Văn L và Đặng Hữu Phần L1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình

sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Tạ Văn L từ 22 đến 26 tháng tù và xử phạt bị cáo Đặng Hữu Phần L1 từ 20 đến 24 tháng tù.

+ Về biện pháp tư pháp: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong mẫu vật ma túy còn lại sau giám định; 01 sim số 0975.985976 của Đặng Hữu Phần L1.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Huawei của Đặng Hữu Phần L1.

Bị cáo Tạ Văn L và Đặng Hữu Phần L1 không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo Tạ Văn L tại phiên tòa: Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Đặng Hữu Phần L1 tại phiên tòa: Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Tạ Văn L và Đặng Hữu Phần L1 đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Vào ngày 21/9/2021, tại ấp 5, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai, các bị cáo Tạ Văn L và Đặng Hữu Phần L1 đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép ma túy có khối lượng: 0,3276 gam, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng thì bị Công an xã Long Thọ, huyện N phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Tạ Văn L và Đặng Hữu Phần L1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đến quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng chất ma túy; làm lan tràn tệ nạn xã hội nghiện ma túy và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác.

Trong vụ án này các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, bị cáo L là người đề xuất mua ma túy sử dụng. Đối với bị cáo L1, sau khi được bị cáo L rủ thì đồng ý và trực tiếp liên hệ người bán ma túy, chở L đi mua ma túy về sử dụng. Bị cáo L1 là người có nhân thân xấu, đã từng bị Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi gây rối trật tự công cộng. Các bị cáo biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, các bị cáo phạm tội trong thời gian giãn cách xã hội, lẽ ra các bị cáo phải thực hiện nghiêm giãn cách xã hội để phòng chống dịch bệnh Covid 19 nhưng các bị cáo vẫn đi ra đường không có lý do chính đáng và mua ma túy để sử dụng nên cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ. Tuy nhiên, các bị cáo khai không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên Tòa, các bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xét thấy cần tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong mẫu vật ma túy còn lại sau giám định; 01 sim số 0975.985.976 của bị cáo Đặng Hữu Phần L1.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Huawei của bị cáo Đặng Hữu Phần L1 do L1 sử dụng làm phương tiện phạm tội.

[8] Đối với người đàn ông tên Nghĩa đã bán ma túy cho các bị cáo do chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 60C2-39889 thuộc sở hữu của anh Thạch Thái, do anh Thái không biết bị cáo L mượn xe mô tô để sử dụng đi mua ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho anh Thái là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo L và L1 phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Tạ Văn L và Đặng Hữu Phần L1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Tạ Văn L 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/9/2021.

- Xử phạt bị cáo Đặng Hữu Phần L1 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/9/2021.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong (mẫu vật ma túy còn lại sau giám định) số 1863/KLGĐ-PC09 ngày 26/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai; 01 sim số 0975.985.976 của bị cáo Đặng Hữu Phần L1.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Huawei của bị cáo Đặng Hữu Phần L1.

(Các vật chứng nêu trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện N đang lưu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/01/2022).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo Tạ Văn L và Đặng Hữu Phần L1 phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện N;
- Chi cục thi hành án DS huyện N;
- Bị cáo;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Văn Lâm